

Bản án số: 83/2026/DS-PT

Ngày: 18/6/2026

V/v Tranh chấp lỗi đi chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuỷ và bà Vũ Thị An

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Đỗ Thị Thu Thuỷ, Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2026/DS-PT ngày 12/03/2026 về việc Tranh chấp lỗi đi chung.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐ-PT ngày 11/5/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông La Văn B, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm H, xã Q, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt, uỷ quyền cho anh Trần Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm T, xã Q, tỉnh Thái Nguyên và anh La Văn T1, sinh năm: 1987; địa chỉ: Xóm B, xã N, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc T2, Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh T; địa chỉ: số A, Ngõ C, đường Z, tổ C, phường P, tỉnh Thái Nguyên và Luật sư Lê Quang N, trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn T3, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm H, xã Q, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm H, xã Q, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

2. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm H, xã Q, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt; uỷ quyền cho anh Trần Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ:

Xóm T, xã Q, tỉnh Thái Nguyên và anh La Văn T1, sinh năm: 1987; địa chỉ: Xóm B, xã N, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Đinh Thị T5, sinh năm 1962; vắng mặt.
2. Ông Triệu Tiến S, sinh năm 1961; vắng mặt.
3. Ông Triệu Hồng V, sinh năm 1962; vắng mặt.
4. Ông Triệu Tiến T6, sinh năm 1952; vắng mặt.
5. Bà Vũ Thị K, sinh năm 1961; vắng mặt
7. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1964; vắng mặt.
8. Ông Đinh Quang H, sinh năm 1959; có mặt.
9. Ông Triệu Tiến K1, sinh năm 1963; có mặt.
10. Ông Đinh Quang H1, sinh năm 1966; có mặt.
11. Ông Triệu Hồng N2, sinh năm 1974; có mặt.
12. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1959; vắng mặt.
13. Anh Lê Mạnh T7, sinh năm 1991; vắng mặt.
14. Ông Vũ Trọng T8; Nguyên cán bộ địa chính thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Q, tỉnh Thái Nguyên); vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm H, xã Q, tỉnh Thái Nguyên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông La Văn B và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1981, gia đình ông B khai phá khu đất để trồng Chè và V, thuộc khu vực suối vực Đá Cồng, nay là thửa đất số 212 và 227, tờ bản đồ số 2, xã Q Trong suốt quá trình khai phá và sử dụng đất tại khu vực nêu trên, gia đình ông B cùng một số hộ dân có đi chung con đường mòn từ ngoài đường trục chính của xóm H và là con đường đi vào T Viện Trúc Lâm Tây Trúc vào khu đất cắt qua một con mương nhỏ, chạy qua sát khu ruộng của gia đình ông Lê Văn T3 đi vào các thửa đất nêu trên để canh tác.

Năm 2021, gia đình ông T3 đào ao, san lấp đất lên con đường này làm bờ ao của gia đình ông T3. Ông đã trực tiếp có ý kiến yêu cầu ông T3 phải san gạt để trả lại con đường đi chung, nhưng ông T3 nói rằng phần diện tích đất làm bờ ao vẫn để cho mọi người đi. Đến năm 2022, gia đình ông T3 không cho mọi người đi lại trên phần diện tích đất của con đường này, gia đình ông đã yêu cầu UBND thị trấn Q tổ chức hòa giải, yêu cầu gia đình ông Lê Văn T3 phải trả lại phần diện tích đất là lối đi chung, nhưng việc hòa giải không thành.

Ông B cho rằng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T3 đã đo bao vào cả diện tích trước đây làm lối đi chung, yêu cầu Tòa

án buộc gia đình ông Lê Văn T3, bà Nguyễn Thị T4 phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm khoảng 150m² (chiều rộng 1,5m x chiều dài 100m) thuộc lối đi chung và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền đi lại qua lối đi chung để gia đình ông đi vào canh tác tại thửa đất số 212 và thửa đất số 227, tờ bản đồ số 02, thuộc khu vực suối Đ, xã Q, tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật. Ông B không rõ phần diện tích tranh chấp là lối đi chung thuộc thửa đất nào, nên không trình bày rõ về nguồn gốc đất tranh chấp.

Bị đơn ông Lê Văn T3, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4 trình bày:

Gia đình ông T3 có mảnh đất tự khai phá từ năm 1980, tổng diện tích 8.216,2 m², bao gồm: Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất trồng lúa nước, đất rừng sản xuất. Gia đình ông đã sử dụng và canh tác liên tục đến nay không có tranh chấp với ai. Năm 1990, ông T3 lấy vợ và được bố, mẹ chia cho toàn bộ diện tích đất trên, sau đó ông đã mở đường từ trục đường chính vào nhà để ô tô chở vật liệu xây dựng gạch, cát tập kết vào đúng vị trí nhà sàn của con ông hiện tại để xây nhà ở riêng, nhưng do đường xá đi lại khó khăn, vắng vẻ và ở cách xa bố, mẹ và khu dân cư nên không xây nhà ở đó nữa và vận chuyển vật liệu gạch, cát về xây nhà ở trên đất thổ cư của bố mẹ cho hiện tại. Năm 1993, ông thuê người đào hào làm ranh giới khu đất trên với các hộ liền kề gồm: Phía Đông Bắc giáp đất nhà ông B và đất nhà ông M, phía Tây Nam giáp đất nhà ông T9, phía T giáp mương nước để canh tác và trông coi bảo vệ. Riêng diện tích ruộng cấy lúa 10 thửa, diện tích 1.279,9 m², có hàng rào dây kẽm gai kín xung quanh. Trong suốt quá trình sử dụng đất không có tranh chấp với bất kỳ ai đến nay.

Diện tích đất gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CU 726759 gồm 04 thửa, diện tích 564,4 m²; số CU 726760 gồm 05 thửa, diện tích 6548,8 m²; trong đó có 200m² đất thổ cư; số CU 726761 gồm 04 thửa, diện tích: 269,2 m²; số CU 726762 gồm 04 thửa, diện tích 833,8 m². Năm 2013, Công ty M2 trúng thầu và thi công xây lắp tuyến đường vào Chùa T11. Quá trình thi công đường đã san lấp và đặt cống thoát nước vào đúng vị trí đường vào khu đất của gia đình và làm hư hỏng toàn bộ lối đi vào vườn, bãi, ruộng của gia đình ông.

Tháng 6 năm 2020, ông T3 thuê ông T1 ở xã K (Doanh nghiệp T12) san lấp, lắp đặt cống thoát nước để làm đường vào khu vườn bãi, gồm 18 tấm cống đường kính 80 cm để lắp đặt từ trên đường đi chùa T13 Trúc xuống đến mương nước với chiều dài khoảng 20m và 02 tấm cống đường kính 120 cm, dài 2m/1 tấm để đặt dọc theo chiều mương thoát nước (Có hình ảnh trước khi khởi công lắp đặt cống thoát nước và hình ảnh sau khi hoàn thành công trình trên). Tháng 8/2022, gia đình ông làm một ngôi nhà sàn cho con trai và con dâu ra ở riêng để phát triển kinh tế làm vườn, ao và kinh doanh dịch vụ ăn uống. Cũng thời điểm này gia đình ông san lấp mặt bằng nền đường và đổ đường bê tông từ ngoài đường cái vào đến nhà để đi lại cho thuận tiện. Ông

T3 xác định con đường vào khu đất của gia đình ông do gia đình đầu tư để làm, không có tranh chấp với bất kỳ ai trong xóm. Trong suốt thời gian canh tác 43 năm (1980 đến năm 2023) gia đình ông đã trồng cây chè, cây lúa, trồng cây keo, trồng hoa và kinh doanh dịch vụ ăn, uống đến nay không có tranh chấp với bất kỳ ai về ranh giới, diện tích, hay lối đi khu đất.

Tối ngày 22/6/2023, gia đình ông La Văn B gồm 04 người là: Ông La Văn B, bà Trần Thị N1, anh La Văn T1, La Văn G và anh Triệu Thế A (con ông Triệu Hồng N2) cùng cư trú tại TDP H, thị trấn Q, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên đến gia đình ông xin đổi đất ruộng khu đồng Tam Đảo hoặc mua đất của gia đình ông ở khu vực bờ ao để làm đường ô tô vào khu vực bãi keo giáp suối Đ. Gia đình ông B đã thừa nhận toàn bộ các thửa đất trên hoàn toàn là của gia đình ông T3 quản lý và sở hữu, nên đề nghị gia đình ông đổi đất, hoặc bán đất cho để làm đường đi, lấy bao nhiêu tiền gia đình ông B xin trả từng đó (có bản ghi âm cuộc nói chuyện kèm theo). Nhưng gia đình ông T3 đã không đồng ý đổi đất hoặc bán đất cho gia đình ông B.

Chiều ngày 05/7/2023, ông B, bà N1 lại vào trong nhà sàn của con trai ông và gặp vợ ông là Nguyễn Thị T4, đề nghị bán cho lối đi vào khu vực suối Đ khoảng 3 thước = 72 m². Vợ chồng ông B cũng thừa nhận đất đó là của bố mẹ cho ông bà canh tác từ đó đến nay, nhưng bà T4 trả lời là không bán vì vườn bãi đã quy hoạch gọn gàng và cho các con canh tác, chăn nuôi.

Sáng ngày 09/7/2023, gia đình ông B gồm: Ông B, bà N1, anh T1, anh G, Chị D, chị M1, chị C đã vượt qua bờ hào chặt phá cây trồng và tự ý cuộc đất của gia đình ông để đòi đường đi, ông gọi điện báo Bí thư Chi bộ, Tổ trưởng TDP, Công an xã đến hiện trường để giải quyết vụ việc trên của gia đình ông B. Ngày 17/7/2023, ông La Văn B gửi đơn kiến nghị vụ không cho gia đình ông chiếm con đường vào bãi và không cho gia đình ông B đi lại con đường.

Ông T3 xác định khu đất trên là của gia đình ông khai phá và canh tác liên tục từ năm 1980 đến nay, không có tranh chấp với bất kỳ ai về ranh giới, diện tích và lối đi vào khu đất của gia đình ông. Về thửa đất gia ông B canh tác từ năm 1981, lối đi vào bãi qua khu đất gia đình ông P, bà T5 (nay là đất nhà ông N3, bà L1 đã mua của ông P, bà T5) và đi qua khu cánh đồng, bãi nữa của gia đình ông M, bà L. Lối mòn này tồn tại nhiều năm, hiện nay vẫn còn trên bản đồ địa chính.

Bà Trần Thị N1, uỷ quyền cho anh La Văn T1 trình bày:

Trước đây anh T1 được cùng bố mẹ trồng cây vải thiều, đã chở phân và cây giống bằng xe quệt đi trên con đường mòn rộng khoảng 1,5 m qua khu đất của gia đình ông T3 để vào khu đất của gia đình canh tác. Nay anh T1 đề nghị Tòa án buộc gia đình ông T3 bà T4 trả lại con đường đã lấn chiếm.

Hạt Kiểm lâm số 12 Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên trình bày:

Quá trình quản lý rừng trên địa bàn xác định không có tuyến đường lâm nghiệp đi vào diện tích đất của gia đình ông B qua phần diện tích đất của gia đình ông T3; Việc khai thác, vận chuyển lâm sản tại khu đất nhà ông B đều đi nhờ qua đất của các gia đình khác, không đi qua tuyến đường ông B đang tranh chấp với gia đình ông T3.

UBND xã Q, tỉnh Thái Nguyên có văn bản, nội dung:

Theo bản đối thoại ngày 13/9/2023, người dân cung cấp thông tin từ năm 1980-1981 gia đình ông B có canh tác tại khu vực giáp đá Cồng và có hình thành một con đường mòn rộng 0,5-1m để đi vào canh tác. Con đường này hình thành tự nhiên, phục vụ người dân đi vào rừng (khai thác gỗ, chăn trâu, sản xuất nông nghiệp) và đã có từ trước khi các hộ dân khai phá đất rừng để làm bờ bãi, trong đó có hộ ông T10, bà L2 (bố mẹ đẻ ông Lê Văn T3). Đây là ý kiến của người dân cung cấp chứ không phải ý kiến của UBND thị trấn Q thời điểm đó.

Căn cứ hồ sơ địa chính hiện có, bao gồm: Bản đồ địa chính đo đạc năm 2013, bản đồ lâm nghiệp đo năm 2005, sổ mục kê đất đai, UBND xã Q xác định giáp ranh các thửa đất 183, 184, 186 từ bản đồ 47 không thể hiện lối đi chung vào thửa đất số 212, từ bản đồ số 2.

Những người làm chứng, gồm: Lê Văn Q, Đinh Quang H, Triệu Tiến K1, Đinh Quang H1, Triệu Hồng N2, Phạm Thị L trình bày:

Các ông, bà là hàng xóm đã sinh sống, làm ruộng bãi trong địa bàn với gia đình ông T3, bà T4 xác định chỉ có con đường đi vào bãi nhà ông T3, còn đường vào nhà ông B thì đi men theo bờ suối (trên bờ ruộng nhà ông T3) để vào chứ không có con đường riêng; để chở cây giống, phân bón vào khu đất nhà ông B thì có nhiều đường vào đều đi qua đất của người khác. Khi thu hoạch hoa màu và lâm sản cũng bằng nhiều đường khác nhau, những lần khai thác lâm sản (cây keo) gần nhất cũng không đi qua đất nhà ông T3.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông La Văn B về việc yêu cầu xác định lối đi chung qua đất ông Lê Văn T3, bà Nguyễn Thị T4.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/02/2026, nguyên đơn ông La Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo ông B cho rằng: Gia đình ông và một số hộ dân sử dụng con đường mòn từ đường giao thông đi vào thửa đất số 212, 227, từ bản đồ số 2 xã Q, tỉnh Thái Nguyên. Cuối năm 2022, gia đình ông T3 tự ý san gạt, lấn chiếm bờ suối là lối đi chung, ngăn cản không cho gia đình ông sử dụng con đường để vào thửa đất số 212, 227.

Tại phiên toà phúc thẩm: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Bị đơn ông Lê Văn T3 cung cấp cho Hội đồng xét xử vi bằng của Văn phòng T14, kèm theo đĩa CD. Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung Vi bằng, thể hiện đoạn hội thoại giữa gia đình ông B với gia đình ông T3, trong đó anh T1, bà N1, ông B thừa nhận con đường đang tranh chấp hiện nay là của gia đình ông T3. Gia đình ông B xin được mua hoặc đổi đất ở chỗ khác để được sử dụng con đường. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh T1, anh T không yêu cầu được nghe trực tiếp đĩa CD, không đề nghị giám định tài liệu ghi âm do bị đơn cung cấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận cho rằng: Gia đình nguyên đơn sử dụng thửa đất 212, 227 từ năm 1981 đến nay. Quá trình sử dụng đất, nguyên đơn đi qua con đường ven theo bờ suối tiếp giáp với các thửa đất của gia đình bị đơn để canh tác. Bản đồ địa chính thể hiện con đường nằm trong các thửa đất theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2013 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn là đo bao cả con đường vào. Vi bằng bị đơn cung cấp không theo trình tự pháp luật, nên không có giá trị. Đề nghị Hội đồng xét xử giành quyền cho nguyên đơn được sử dụng con đường, buộc nguyên đơn trả giá trị bằng tiền cho bị đơn. Trường hợp không chấp nhận nội dung trên, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà xem xét thẩm định lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông La Văn B kháng cáo trong hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

[2] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối chiếu với bản đồ địa chính năm 2014, xác định con đường nguyên đơn cho rằng là lối đi chung, diện tích 134,7 m², nằm trên các thửa đất số 183, 184, 186, tờ bản đồ số 47 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 2, UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T3 và bà Nguyễn Thị T4 ngày 14/9/2020. Theo bản đồ địa chính năm 2014, bản đồ lâm nghiệp năm 2005 và các tài liệu quản lý đất đai

không thể hiện lối đi chung dẫn vào các thửa đất số 212 và 227 của gia đình ông La Văn B.

[3] Những người làm chứng tham gia tố tụng, gồm ông Lê Văn Q, Đinh Quang H, Triệu Tiến K1, Đinh Quang H1, Triệu Hồng N2, Phạm Thị L là những người sinh sống lâu năm tại địa phương, có đất canh tác liền kề hoặc gần khu đất của gia đình ông Lê Văn T3 và ông La Văn B, xác nhận: Tại khu vực tranh chấp không tồn tại lối đi chung cố định, ổn định và được sử dụng thường xuyên để đi vào khu đất của gia đình ông La Văn B qua đất gia đình ông Lê Văn T3; Việc đi lại của gia đình ông B trước đây (nếu có) chỉ là đi nhờ, đi men theo bờ suối, bờ ruộng hoặc đi tắt qua đất của các hộ khác, không có con đường nào được xác định rõ ràng về vị trí, ranh giới và không được cộng đồng dân cư thừa nhận là lối đi chung; Trong các đợt khai thác, vận chuyển lâm sản (cây keo) của gia đình ông B gần đây, không sử dụng tuyến đường đang tranh chấp mà đi theo các lối khác.

[4] Hạt Kiểm lâm số 12 Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên, xác định: Quá trình quản lý rừng trên địa bàn không có tuyến đường lâm nghiệp đi vào diện tích đất của gia đình ông B qua phần diện tích đất của gia ông T3; Việc khai thác, vận chuyển lâm sản tại khu đất nhà ông B đều đi nhờ qua đất của các gia đình khác, không đi qua tuyến đường ông B đang tranh chấp với gia đình ông T3.

[5] UBND xã Q, tỉnh Thái Nguyên có văn bản, nội dung: Căn cứ hồ sơ địa chính hiện có, bao gồm: Bản đồ địa chính đo đạc năm 2013, bản đồ lâm nghiệp đo năm 2005, sổ mục kê đất đai, xác định giáp ranh các thửa đất 183, 184, 186 tờ bản đồ 47 không thể hiện lối đi chung vào thửa đất số 212, tờ bản đồ số 2.

[6] Tại Vi bằng số 61/2026/VB-TPLNT ngày 09/6/2026 của Văn phòng T14 lập, được trích từ tài liệu ghi âm do ông Lê Văn T3 cung cấp, thể hiện:

Tối ngày 22/6/2023, gia đình ông La Văn B gồm 04 người: Ông La Văn B, bà Trần Thị N1, anh La Văn T1, La Văn G và anh Triệu Thế A cùng cư trú tại TDP H, thị trấn Q, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên đến gia đình ông T3 xin đổi đất ruộng khu đồng Tam Đảo hoặc mua đất của gia đình T3 ở khu vực bờ ao để làm đường vào khu vực bãi keo giáp suối Đ. Anh T1 nói: *Cái H2 và con đường ấy của nhà chú, nhà cháu đi nhờ qua đất nhà chú đấy. Nhà chú đã tạo và chú bảo cứ đi thoải mái nhưng mà đi bộ thôi, nhà chú cũng đã làm lên rồi... Cháu cũng bảo là thôi cô chú để lại cho cháu con đường ấy thì hết bao nhiêu tiền anh em cháu gom vào gửi cho cô chú với các em.... Xin cô chú để lại cho con đường đi bộ vào và đi xe máy vào để cho anh em cháu, gia đình cháu.*

Chiều ngày 05/7/2023, ông B, bà N1 gặp bà Nguyễn Thị T4 là vợ ông T3, đề nghị bán cho lối đi vào khu vực suối Đ khoảng 3 thước bằng 72 m². Bà N1 nói: *Ừ thì đấy là đất của ông bà, bố mẹ em, bây giờ mình đi nhờ của em và chú thím, đi qua bãi keo của các em và chú thím mà. Ông B nói: Để cho anh chỗ đấy chỉ khoảng 4, 5 mét thôi, không đáng bao nhiêu cả.*

[7] Hội đồng xét xử thấy:

Diện tích đất nguyên đơn tranh chấp cho rằng là đường đi chung vào thửa đất số 212, 227, tờ bản đồ số 2 đã được xác lập theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2013, năm 2020 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 2005 và bản đồ địa chính đo vẽ năm 2013 không thể hiện phần đất tranh chấp là con đường. Những người làm chứng đều xác định gia đình nguyên đơn không vận chuyển lâm sản qua phần đất đang tranh chấp hiện nay mà đi qua bờ ruộng của các gia đình khác.

Tài liệu ghi âm được lập vi bằng thể hiện, gia đình nguyên đơn thừa nhận diện tích đất tranh chấp làm lối đi chung thuộc quyền sử dụng của gia đình bị đơn, đề nghị được chuyển nhượng hoặc chuyển đổi để được sử dụng con đường. Phía gia đình bị đơn không đồng ý chuyển đổi, chuyển nhượng, sau đó mới phát sinh tranh chấp.

Bên cạnh đó, trường hợp nếu có con đường mòn ven theo bờ suối để đi vào các thửa đất từ năm 1980 như nguyên đơn khai, thì quá trình mưa, lũ sạt lở tự nhiên cũng không còn nguyên trạng con đường như trước. Thực tế con đường hiện nay các bên tranh chấp nằm hoàn toàn vào các thửa ruộng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bị đơn.

Toà án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho gia đình bị đơn ông Lê Văn T3, không phải là đường đi chung, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận đường đi chung qua các thửa đất của gia đình bị đơn là có căn cứ.

[8] Tại phiên toà phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giao cho nguyên đơn được sử dụng con đường, buộc nguyên đơn thanh toán giá trị bằng tiền cho bị đơn. Đề nghị của phía nguyên đơn chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm, nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm trong vụ án này.

[9] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông La Văn B; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm:

[10] Kháng cáo của ông La Văn B không được chấp nhận, ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do ông B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí phúc thẩm cho nguyên đơn ông La Văn B.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông La Văn B; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái

Nguyên.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông La Văn B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND KV 3-Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Quý Sửu